TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải
2. Ông Trương Văn Dũng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa*: Ông Hà Văn Quyển - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Th, sinh năm: 1974

Trú tại: Thôn Chiềng, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/11/2023).

- Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn Chiềng, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị Th trình bày:

Bà và ông V tự do tìm hiểu, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012 và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/8/2016 để làm khai sinh cho con. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Việt thường xuyên độc quyền quyết định mọi việc trong gia đình, không hỏi han ý kiến của bà, nhiều lần chi tiêu không đúng mục đích, không phục vụ cho gia đình. Ngoài ra ông Việt còn thường xuyên cáu gắt vợ con, bà Th ốm đau nhưng ông cũng không quan tâm, không lo lắng chăm sóc con cái, khi vợ chồng xảy ra cãi vã thì ông V có đánh bà vài lần. Nay bà không còn tình cảm với ông Việt nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Lê Văn Quyền, sinh ngày 25/02/2016. Khi ly hôn bà Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quyền cho đến tuổi thành niên, bà Th yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Quyền thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông V trình bày: Ông và bà Th tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng diễn ra bình thường, không hiểu vì lý do gì khoảng tháng 10/2023 thì bà Th về bên nhà ngoại và gọi điện thông báo muốn ly hôn với ông V. Ông V không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là Lê Văn Quyền, sinh ngày 25/02/2016. Nếu vợ chồng ly hôn ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quyền đến tuổi thành niên. Ông V không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng ông V không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông V. Ông V cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Th được ly hôn ông V. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Quyền, sinh ngày 25/02/2016 cho bà Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng cho đến khi con chung thành

niên. Về tài sản và nợ chung: Bà Th và ông V không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Bà Th và ông V thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí sơ thẩm nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Th và ông Lê Văn V đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012 và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/8/2016 không vi phạm điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, không hòa hợp được. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn nên bà Thuyên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho bà Bùi Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn V để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Bà Th và ông V có 01 (một) con chung là Lê Văn Quyền, sinh ngày 25/02/2016. Hiện bà Th đang trực tiếp nuôi cháu Quyền. Cháu Quyền có nguyện vọng được ở với bà Th. Ly hôn bà Th có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông Việt cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự sáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cháu Quyền cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Xét thấy ông V thuộc hộ nghèo, kinh tế còn nhiều khó khăn. Nghĩ cần, để ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu Quyền đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông V không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bà Th và ông V thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị Th được ly hôn ông Lê Văn V.

Về con chung: Giao cháu Lê Văn Quyền, sinh ngày 25/02/2016 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Ông Việt có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Th mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản tiền cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu Quyền đủ 18 tuổi

Ông Lê Văn V có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Bùi Thị Th. Miễn nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Văn V.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt bà Th và ông V. Bà Th và ông V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Thiết Ống ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lương Thanh Hải **Hà Thị Minh** **Phạm Văn Hùng**